Chi tiết mã HS 4010.34.00

Mã HS	4010.34.00
Mô tả hàng hóa	Băng tải hoặc đai tải hoặc băng truyền (dây cu roa) hoặc đai truyền, bằng cao su lưu hóa / - Băng truyền hoặc đai truyền: / - - Băng truyền liên tục có mặt cắt ngang hình thang (băng chữ V), trừ băng truyền có gân hình chữ V, với chu vi ngoài trên 180 cm nhưng không quá 240 cm
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	01/11/2026 19:47:58
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://www.vietnamtariff.com/hs-code/40103400/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6438
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6438
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6438
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY)	0% (trừ MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM, MY)	0% (trừ LA, MM, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	10.5	10,5%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6232
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6193
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6193
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6193
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6193
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6193
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6193
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6237
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6237
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6237

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6237
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6237
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6237
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6235
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6235
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6235
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6235
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6235
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6235
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6243
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6199
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6195
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6195
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6195
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6195
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6195
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6195
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6219
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6219
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6219
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6219
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6219
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6219
VCFTA	2022	2022	3	VC!D6261
VCFTA	2023	2023	1	VC!E6261
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6261

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6261
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6261
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6261
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6246
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6246
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6246
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6246
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6246
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6246
AHKFTA	2022	2022	9	AKH!D6249
AHKFTA	2023	2023	6	AKH!E6249
AHKFTA	2024	2024	6	AKH!F6249
AHKFTA	2025	2025	3	AKH!G6249
AHKFTA	2026	2026	3	AKH!H6249
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6249
EVFTA	2022	2022	7,5	EV-NK!D6234
EVFTA	2023	2023	5	EV-NK!E6234
EVFTA	2024	2024	2,5	EV-NK!F6234
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6234
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6234
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6234
UKVFTA	2022	2022	7,5	UKV!D6236
UKVFTA	2023	2023	5	UKV!E6236
UKVFTA	2024	2024	2,5	UKV!F6236
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6236
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6236

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6236
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6221
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6221
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6221
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6221
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6221
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6221
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6221
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6239
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6239
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6239
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6239
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6239
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6239
RCEP B	2022	2022	0	B!D6239
RCEP B	2023	2023	0	B!E6239
RCEP B	2024	2024	0	B!F6239
RCEP B	2025	2025	0	B!G6239
RCEP B	2026	2026	0	B!H6239
RCEP B	2027	2027	0	B!I6239
RCEP C	2022	2022	0	C!D6239
RCEP C	2023	2023	0	C!E6239
RCEP C	2024	2024	0	C!F6239
RCEP C	2025	2025	0	C!G6239
RCEP C	2026	2026	0	C!H6239
RCEP C	2027	2027	0	C!I6239

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D6239
RCEP D	2023	2023	0	D!E6239
RCEP D	2024	2024	0	D!F6239
RCEP D	2025	2025	0	D!G6239
RCEP D	2026	2026	0	D!H6239
RCEP D	2027	2027	0	D!I6239
RCEP E	2022	2022	0	E!D6242
RCEP E	2023	2023	0	E!E6242
RCEP E	2024	2024	0	E!F6242
RCEP E	2025	2025	0	E!G6242
RCEP E	2026	2026	0	E!H6242
RCEP E	2027	2027	0	E!I6242
RCEP F	2022	2022	0	F!D6239
RCEP F	2023	2023	0	F!E6239
RCEP F	2024	2024	0	F!F6239
RCEP F	2025	2025	0	F!G6239
RCEP F	2026	2026	0	F!H6239
RCEP F	2027	2027	0	F!I6239
VIFTA	2024	2024	13,5	VI!F5776
VIFTA	2025	2025	12	VI!G5776
VIFTA	2026	2026	10.5	VI!H5776
VIFTA	2027	2027	9	VI!I5776

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4010.34.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 4010.34.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6438), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.